TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày: 10 – 02 – 2023
V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Trần Văn Đô;**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Phan Quốc Tiến**;
  2. Ông **Nguyễn Thị Phượng**;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đào Kim Xoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 667/2022/TLST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2022/QĐXXST- DS, ngày 20/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-DS, ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đào Văn D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Đào Văn D có đơn xin vắng mặt; anh Nguyễn Hữu T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đào Văn D trình bày*:**

Anh Nguyễn Hữu T có vay của anh Đào Văn D số tiền 400.000.000 đồng, mục đích là để đáo hạn Ngân hàng, có xác lập biên nhận ngày 23/4/2020 và lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng.

Khi đến thời hạn trả, anh T không thực hiện đúng nghĩa vụ nên anh D có

yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 06/4/2022, hai bên thống nhất số tiền nợ gốc mà anh T thiếu là 400.000.000 đồng và điều chỉnh lãi suất còn 1%/tháng nên số tiền lãi là 96.000.000 đồng. Do anh T đã trả được số tiền lãi là 50.000.000 đồng nên còn nợ lại là 46.000.000 đồng. Anh T cam kết mỗi tháng trả 20.000.000 đồng tiền vốn và lãi là 1%/tháng. Hai bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận nên lập biên bản hòa giải thành. Tuy nhiên, anh T không thực hiện đúng cam kết nên phát sinh tranh chấp.

Nay anh Đào Văn D yêu cầu anh Nguyễn Hữu T trả cho anh D số tiền nợ là 446.000.000 đồng và trả tiền lãi của số tiền gốc 400.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 07/4/2022 đến khi hoàn trả hết số tiền nợ nói trên.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản hòa giải ngày 06/4/2022 (bản sao).

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho bị đơn nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của anh Đào Văn D yêu cầu anh Nguyễn Hữu T trả số tiền vay và lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; riêng anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D và anh T.

Về nội dung:

[4] Về hợp đồng vay: Anh D trình bày có cho anh T vay số tiền 400.000.000 đồng, chứng minh là biên bản giải quyết tranh chấp ngày 06/4/2022

tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Cao Lãnh. Anh D yêu cầu anh T trả khoản nợ 446.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định: Trong biên bản giải quyết tranh chấp ngày 06/4/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung anh T thừa nhận có vay của anh D số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng và chưa thanh toán. Khi tiến hành hòa giải, các bên tự nguyện điều chỉnh lãi suất còn 1%/tháng và xác định số tiền lãi anh T nợ lại là 96.000.000 đồng. Do anh T đã thanh toán được số tiền 50.000.000 đồng tiền lãi nên tổng số tiền nợ lại là 446.000.000 đồng. Đồng thời, anh T cam kết sẽ trả dần mỗi tháng cho anh D là 20.000.000 đồng. Do đó, việc anh T có vay tiền của anh D là có thật. Anh T không thanh toán tiền vay như thỏa thuận nên vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của anh D là có căn cứ.

[5] Về tiền lãi:

Nguyên đơn chỉ yêu cầu anh T trả khoản tiền lãi 01% trên số tiền gốc còn nợ lại là 400.000.000 đồng tính từ ngày 07/4/2022 cho đến khi trả hết các khoản nợ. Hội đồng xét xử nhận định: Trong biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Phương Thịnh có ghi nhận các bên tự nguyện điều chỉnh mức lãi suất từ 03%/tháng thành 01%/tháng. Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, người có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 07/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 10/02/2023 tương ứng 10,3 tháng. Lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 01%/tháng tưng ứng 12%/năm là phù hợp.

Tiền lãi: 400.000.000 đồng x 01%/tháng x 10,3 tháng = 41.200.000 đồng.

Tổng vốn và lãi là: 446.000.000 đồng + 41.200.000 đồng = 487.200.000 đồng.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đồng thời, anh T cũng đã được thông báo kết quả phiên họp, kèm các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, anh T không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Mặt

khác, anh T cũng không có gì chứng minh cho việc trả nợ và lãi của mình như thỏa thuận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự xác định yêu cầu của anh D là có căn cứ. Buộc anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho Đào Văn D số tiền vay còn thiếu là 446.000.000 đồng, tiền lãi 41.200.000 đồng và lãi suất chậm thực thực hiện nghĩa vụ.

[8] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 23.488.000 đồng.

Anh Đào Văn D được nhận lại 10.920.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014618 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Đào Thanh D;

Buộc anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho anh Đào Thanh D số tiền vốn và lãi là 487.200.000 (Bốn trăm tám mươi bảy triệu, hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 01%/tháng.

2. Về án phí:

Anh Đào Văn D được nhận lại 10.920.000 (Mười triệu, chín trăm hai mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014618 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.488.000 (Hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đô

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Mai Hương – Phạm Phước Tâm **Trần Văn Đô**